TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:277/2022/DS-PT
Ngày: 27/9/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương.

Ông Lê Minh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 235/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 359/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn T, sinh năm 1985;
HKTT: Ấp 1, xã C, thành phố O, tỉnh G;
Hiện đang sống tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tr.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tr (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn M, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tr (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

***- Người kháng cáo*:** Bị đơn là bà Nguyễn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2021 của nguyên đơn là bà Nguyễn T và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn H trình bày:

Ngày 10/6/2020, bà Nguyễn T có cho bà Nguyễn M vay số tiền 60.000.000 đồng (có giấy viết tay), mức lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, nếu quá thời hạn thì tính lãi 2.5%/tháng (thỏa thuận bằng lời nói). Sau khi nhận tiền, bà Nguyễn M đã trả cho bà Nguyễn T được 1.200.000 đồng tiền lãi vào ngày 10/7/2020, không trả gốc. Đến ngày 11/9/2020, bà Nguyễn M tiếp tục trả lãi 02 tháng cho bà Nguyễn T với số tiền 3.000.000 đồng, không trả gốc. Kể từ đó cho đến nay không tiếp tục trả lãi và nhiều lần bà Nguyễn T yêu cầu trả nợ gốc nhưng bà Nguyễn M né tránh không thực hiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn M có nghĩa vụ trả tiền vay còn thiếu cho bà Nguyễn T với tiến vốn là 60.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 12/9/2020 cho đến ngày 12/6/2022 với mức lãi suất 0.83%/tháng là 10.458.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu là 70.458.000 đồng. Sau ngày 12/6/2022 đến ngày xét xử, không yêu cầu tính lãi. Giai đoạn thi hành án tính lãi theo quy định của pháp luật của số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Đối với việc bà Nguyễn M cho rằng đã trả số tiền lãi 02 lần là 14.000.000 đồng là không có. Chỉ mới trả lãi như nêu trên.

Trong quá trình tố tụng, bi đơn là bà Nguyễn M trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 10/6/2020 bà có vay của bà Nguyễn T số tiền 60.000.000 đồng, với mức lãi suất 2.5%/tháng. Bà vay giùm cho người khác. Bà đã đóng lãi được 14.000.000 đồng. Nay đồng ý trả tiền gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi không đồng ý do đã trả lãi đầy đủ.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân dân huyện O đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T về việc yêu cầu bà Nguyễn M trả tiền vay còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Nguyễn M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn T tổng số tiền 68.250.000 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó:

tiền vay gốc là 60.000.000 đồng; Lãi sau khi được khấu trừ, mức lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 12/9/2020 đến ngày 12/6/2022 là 8.250.000 đồng.

2. Bác phần chênh lệch giữa yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T và yêu cầu được chấp nhận là 2.208.000 đồng (Hai triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/7/2022, bị đơn bà Nguyễn M có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện O, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, lý do trong số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng, bà đã trả cho bà Nguyễn T số tiền 14.000.000 đồng, số tiền này bà Nguyễn T có ghi trên giấy nợ nhưng bà Nguyễn T không nộp cho Toà án. Bà đồng ý trả cho bà Nguyễn T số tiền 46.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu được đối chất với bà Nguyễn T tại phiên toà.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên nội dung đối với những lời trình bày trước đây trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn M kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn (người kháng cáo) được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền

của nguyên đơn cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn M thừa nhận có vay và còn nợ của của nguyên đơn Nguyễn T số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 10/6/2020, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà Nguyễn M đã vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên bà Nguyễn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn M phải trả số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Sau khi bản án sơ thẩm tuyên, bà Nguyễn M kháng cáo nội dung này.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng số nợ gốc bà đã trả cho bà Nguyễn T 14.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà Nguyễn T số tiền 46.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật:

Nguyên đơn bà Nguyễn T cho rằng sau khi nhận số tiền vay 60.000.000 đồng, bị đơn bà Nguyễn M đã trả cho bà Nguyễn T được 1.200.000 đồng tiền lãi vào ngày 10/7/2020, không trả gốc; đến ngày 11/9/2020, bà Nguyễn M tiếp tục trả lãi 02 tháng cho bà Nguyễn T với số tiền 3.000.000 đồng, không trả gốc và sau đó không có còn thực hiện việc trả tiền lãi cũng như tiền nợ gốc. Bà Nguyễn M cho rằng bà đã đóng lãi được 14.000.000 đồng và bà đồng ý trả tiền gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi không đồng ý do đã trả lãi đầy đủ. Do đó, có căn cứ xác định vẫn chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ gốc cho bà Nguyễn T, nên buộc bà Nguyễn M phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả là phù hợp quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn M kháng cáo cho rằng số nợ gốc bà đã trả cho bà Nguyễn T 14.000.000 đồng nhưng không được bà Nguyễn T thừa nhận, bà vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm và cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn M phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T về việc yêu cầu bà Nguyễn M trả tiền vay còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Nguyễn M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn T tổng số tiền 68.250.000 đồng (Sáu mươi tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó: tiền vay gốc là 60.000.000 đồng; Lãi sau khi được khấu trừ, mức lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 12/9/2020 đến ngày 12/6/2022 là 8.250.000 đồng.

2. Bác phần chênh lệch giữa yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T và yêu cầu được chấp nhận là 2.208.000 đồng (Hai triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng).

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Nguyễn M chịu (đối với nghĩa vụ trả tiền cho bà Nguyễn T): 3.412.500 đồng (Ba triệu bốn trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

- Bà Nguyễn T chịu (đối với phần yêu cầu bị bác): 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 1.587.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001530 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện O. Hoàn trả cho bà Nguyễn T số tiền 1.286.000 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nguyễn M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008008 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm

2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện O;
- Chi cục THADS huyện O;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS;
- Lưu VP Tòa án & hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng